

# MARKET INSIGHTS REPORTS

29/11/2022

## DÒNG TIỀN THAM LAM XUẤT HIỆN

## NHỊP ĐẬP THỊ TRƯỜNG

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “White Closing Mazuboru”. Khối lượng giao dịch tăng và nằm trên mức trung bình 20 ngày. Giá tăng khối lượng tăng là tín hiệu tốt về mặt phân tích kỹ thuật.

Các điểm cần lưu ý: (i) VN-Index vượt mốc kháng cự động MA(20) và hiện đối mặt với kháng cự MA(50). Một “Break Out” sẽ xác nhận xu hướng sóng tăng kéo dài bằng tháng của thị trường lúc này. (ii) Thị trường xác nhận sự bùng nổ theo đà và dòng tiền tham lam đã xuất hiện. (iii) Nhóm ngân hàng có dấu hiệu điều chỉnh cho thấy khả năng có thể xuất hiện nhịp điều chỉnh vào cuối tuần. (iv) Nhà đầu tư ngắn hạn nên hạn chế đưa trần cổ phiếu lúc này.

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 19 mã cho tín hiệu mua, 03 mã cho tín hiệu bán, 08 mã cho tín hiệu đi ngang. VHM, MWG, PLX, VIC...cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất tăng điểm là 51% và 46.29% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Thống kê cho thấy chỉ số sẽ tăng điểm với giá đóng cửa thấp hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày mai. Kháng cự là 1.040 điểm. Hỗ trợ 980 điểm.

### Hỗ trợ và kháng cự cổ phiếu trong ngày (EOD)

### Các cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến trong ngày

### Danh mục cổ phiếu đáng quan tâm vào ngày mai

### Biểu đồ trong ngày:

- Vốn hóa vừa và nhỏ tại TTCK Mỹ tạo đáy như thế nào ?;
- Vốn hóa vừa và nhỏ có hiệu suất sinh lời vượt trội so với vốn hóa lớn trong môi trường lạm phát đình đốn;
- Trung Quốc hạ tỷ lệ dự trữ bắt buộc;

**TTCK Mỹ:** Mẫu hình đồ thị hiện tại không được tích cực. Chúng tôi muốn chờ thêm thời gian để xác nhận xu hướng. Dự báo chỉ số có thể giảm điểm tối nay.



## CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

### THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



### ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

#### HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	578
Số cổ phiếu không có giao dịch	51
Số cổ phiếu tăng giá	355 / 56.44%
Số cổ phiếu giảm giá	119 / 18.92%
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	155 / 24.64%

#### HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	237
Số cổ phiếu không có giao dịch	104
Số cổ phiếu tăng giá	146 / 42.82%
Số cổ phiếu giảm giá	59 / 17.30%
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	136 / 39.88%

#### UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	361
Số cổ phiếu không có giao dịch	498
Số cổ phiếu tăng giá	213 / 24.80%
Số cổ phiếu giảm giá	92 / 10.71%
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	554 / 64.49%

### GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

#### HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	156,870,991	50,287,538	106,583,453
% KL toàn thị trường	13,25%	4,25%	
Giá trị	3656,44 tỷ	1018,87 tỷ	2637,57 tỷ
% GT toàn thị trường	22,15%	6,17%	

#### HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	1,329,100	407,100	922,000
% KL toàn thị trường	0,86%	0,26%	
Giá trị	25,29 tỷ	6,81 tỷ	18,47 tỷ
% GT toàn thị trường	1,46%	0,39%	

#### UPCOM

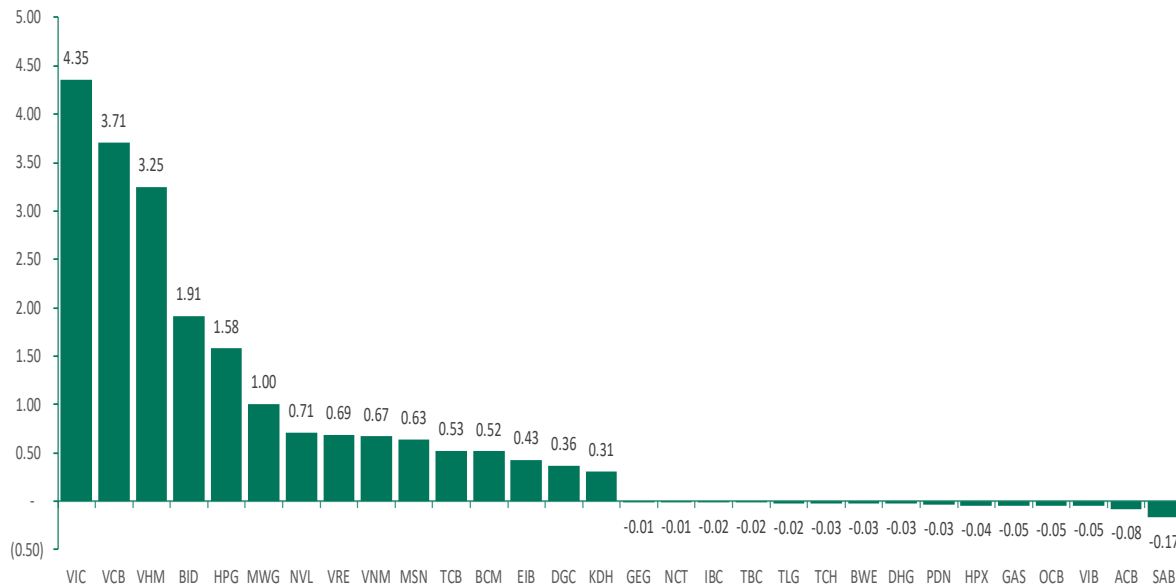
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	196,500	653,656	-457,156
% KL toàn thị trường	0,36%	1,18%	
Giá trị	6,47 tỷ	47,32 tỷ	-40,85 tỷ
% GT toàn thị trường	1,41%	10,34%	

## CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG (TT)

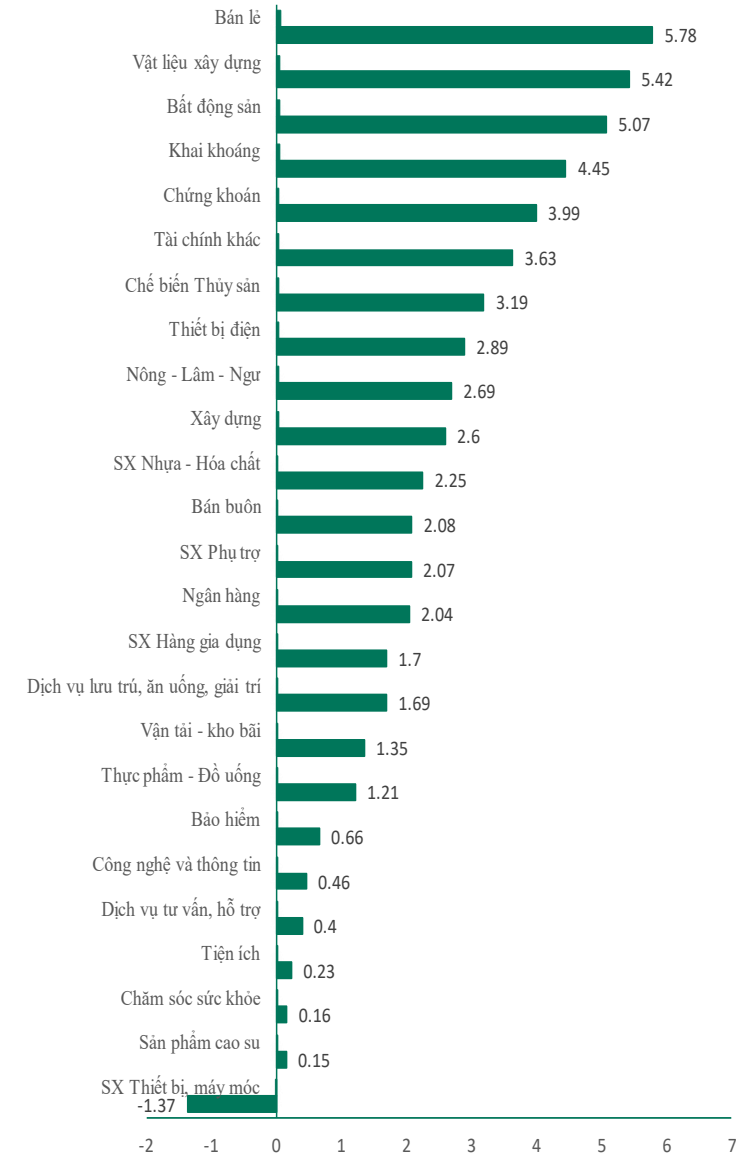
### TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VCB	1,707,400	79,800	3,100 (4.04%)	19.02	2.94	4,195	377,655
2	VIC	3,559,000	69,400	4,400 (6.77%)	(101.31)	1.93	(685)	264,687
3	VHM	7,431,800	53,100	2,900 (5.78%)	5.89	1.65	9,015	231,217
4	GAS	405,200	112,000	-100 (-0.09%)	25.71	3.70	4,356	214,362
5	BID	2,549,200	41,000	1,500 (3.8%)	23.71	2.06	1,729	207,399
6	VNM	2,404,200	83,000	1,300 (1.59%)	18.38	5.13	4,517	173,466
7	MSN	2,170,100	99,000	1,800 (1.85%)	13.62	3.96	7,269	140,949
8	CTG	9,674,400	27,400	100 (0.37%)	8.19	1.24	3,347	131,678
9	SAB	310,700	176,000	-1,100 (-0.62%)	31.99	4.37	5,502	112,865
10	VPB	16,820,500	16,150	50 (0.31%)	6.10	1.06	2,647	108,418

### TOP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI CHỈ SỐ VN-INDEX



### TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH TRONG NGÀY



## TTCK VIỆT NAM: Dòng tiền tham lam xuất hiện

### Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa tăng 34.23 điểm (+ 3.52%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

**(1) Bán lẻ, vật liệu xây dựng, bất động sản, khai khoáng, chứng khoán... là nhóm tăng giá mạnh nhất trên sàn trong ngày.** Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như FRT, MWG, VGC, HPG, HSG, DXG, DIG, CEO, PVD, PVS, PVC, PVB, VND, VCI, SSI, VIX ... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) PVD tăng trần trong phiên giao dịch hôm nay.

- ✓ Hiệu suất sinh lời cổ phiếu này thấp hơn thị trường trong giai đoạn qua và dường như đang có xu hướng tăng bù trong phiên giao dịch hôm nay;
- ✓ Giá dầu tăng trở lại sau khi chạm mốc hỗ trợ 80\$ (Dầu Brent) với thông tin Trung Quốc sẽ mở cửa nền kinh tế trở lại;
- ✓ Giá hình thành một Failure Swing cảnh báo sự đảo chiều. RSI(14), khối lượng đều tăng và giá vượt MA(20) xác nhận xu hướng tăng giá của cổ phiếu. Kháng cự tiếp theo là vùng giá 18;

(ii) HPG tăng giá mạnh và chạm MA(50):

- ✓ Vùng giá 18 là vùng kháng cự cổ phiếu này;
- ✓ Khối ngoại vẫn mua ròng mạnh đóng vai trò hỗ trợ đà tăng của cổ phiếu;
- ✓ Với giá thuyết Fubon huy động 4,000 tỷ, HPG sẽ được mua vào 20 triệu cổ phiếu;
- ✓ Kháng cự tiếp theo là vùng giá 20;

(iii) DXG tăng trần và có phiên giao dịch khớp tới 40 triệu cổ phiếu:

- ✓ Mô hình hai đáy cảnh báo sự đảo chiều
- ✓ Phân kỳ dương kép cảnh báo sự đảo chiều ở đáy;
- ✓ Kháng cự tiếp theo là vùng giá 15;

**(2) Sản xuất thiết bị máy móc ... là nhóm giảm giá nhiều nhất trong ngày.** Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như THI, NHH... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) MCG tăng trần trong nhóm giao dịch này. Đây vốn là cổ phiếu có tính đầu cơ cao và thị giá thấp;

(ii) Thanh khoản của nhóm này ở mức thấp và có lẽ không hấp dẫn các nhà đầu tư trong bối cảnh hiện tại;

**(3) PDR và NVL tăng trần trong phiên giao dịch hôm nay.**

(i) PDR được giải cứu thành công:

- ✓ Khối lượng giao dịch lên tới 94 triệu cổ phiếu (Số lượng bán giải chấp ATO và giá sàn hàng ngày);
- ✓ Giải tỏa tâm lý chung cho thị trường khi khối ngoại mua vào hơn 20 triệu;

(ii) NVL tăng trần:

- ✓ Kháng cự là vùng giá 25;
- ✓ Cổ phiếu có thể tiếp tục tăng giá vào ngày mai;

**(4) Ngân hàng giao dịch khá yếu trong ngày:**

- ✓ Xu hướng chững lại chốt lời;
- ✓ Khả năng là nhóm điều chỉnh trước thị trường;
- ✓ Nhà đầu tư lướt sóng có thể chốt lời;

### Phân tích kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “White Closing Mazuboru”. Khối lượng giao dịch tăng và nằm trên mức mức trung bình 20 ngày. Giá tăng khối lượng tăng là tín hiệu tốt về mặt phân tích kỹ thuật.

Các điểm cần lưu ý: (i) VN-Index vượt mốc kháng cự động MA(20) và hiện đối mặt với kháng cự MA(50). Một “Break Out” sẽ xác nhận xu hướng sóng tăng kéo dài bằng tháng của thị trường lúc này. (ii) Thị trường xác nhận sự bùng nổ theo đà và dòng tiền tham lam đã xuất hiện. (iii) Nhóm ngân hàng có dấu hiệu điều chỉnh cho thấy khả năng có thể xuất hiện nhịp điều chỉnh vào cuối tuần. (iv) Nhà đầu tư ngắn hạn nên hạn chế đưa trần cổ phiếu lúc này.

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 19 mã cho tín hiệu mua, 03 mã cho tín hiệu bán, 08 mã cho tín hiệu đi ngang. VHM, MWG, PLX, VIC... cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất tăng điểm là 51% và 46.29% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Thống kê cho thấy chỉ số sẽ tăng điểm với giá đóng cửa thấp hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày mai. Kháng cự là 1.040 điểm. Hỗ trợ 980 điểm.

## HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	341	338.86	343.13	NO	351.59	357.93	368.52	374.86	334.66	324.07	317.73	307.14
HNXINDEX	206.37	205.45	207.3	NO	210.32	212.41	216.36	218.45	204.28	200.33	198.24	194.29
UPINDEX	70.15	70.04	70.26	NO	70.9	71.42	72.17	72.69	69.63	68.88	68.36	67.61
VN30	1017.73	1012.08	1023.39	NO	1040.35	1051.65	1074.27	1085.57	1006.43	983.81	972.51	949.89
VNINDEX	1020.96	1015.36	1026.56	NO	1043.36	1054.56	1076.96	1088.16	1009.76	987.36	976.16	953.76
VNXALL	1543.56	1535.22	1551.91	NO	1576.96	1593.65	1627.05	1643.74	1526.87	1493.47	1476.78	1443.38
VN30FIM	1005.87	1001.05	1010.68	NO	1025.13	1034.77	1054.03	1063.67	996.23	976.97	967.33	948.07
VN30FIQ	999.4	994.55	1004.25	NO	1018.8	1028.5	1047.9	1057.6	989.7	970.3	960.6	941.2
VN30F2M	999.33	994	1004.67	NO	1013.67	1017.33	1031.67	1035.33	995.67	981.33	977.67	963.33
VN30F2Q	996.63	992.1	1001.17	NO	1014.77	1023.83	1041.97	1051.03	987.57	969.43	960.37	942.23
BID	40.28	39.92	40.64	NO	41.72	42.43	43.87	44.58	39.57	38.13	37.42	35.98
BVH	47.17	47.15	47.18	YES	47.93	48.67	49.43	50.17	46.43	45.67	44.93	44.17
CTG	26.97	26.75	27.18	NO	27.83	28.27	29.13	29.57	26.53	25.67	25.23	24.37
FPT	74.07	73.95	74.18	NO	75.13	75.97	77.03	77.87	73.23	72.17	71.33	70.27
GAS	111.6	111.4	111.8	NO	114.3	116.6	119.3	121.6	109.3	106.6	104.3	101.6
GVR	14	13.93	14.07	NO	14.5	14.85	15.35	15.7	13.65	13.15	12.8	12.3
HDB	15.4	15.38	15.43	NO	15.8	16.15	16.55	16.9	15.05	14.65	14.3	13.9
HPG	17.07	16.9	17.23	NO	17.78	18.17	18.88	19.27	16.68	15.97	15.58	14.87
KDH	25.27	25.08	25.46	NO	26.03	26.42	27.18	27.57	24.88	24.12	23.73	22.97
MBB	17.15	17.13	17.17	NO	17.5	17.8	18.15	18.45	16.85	16.5	16.2	15.85
MSN	97.83	97.25	98.42	NO	100.17	101.33	103.67	104.83	96.67	94.33	93.17	90.83
MWG	42.03	41.65	42.42	NO	43.57	44.33	45.87	46.63	41.27	39.73	38.97	37.43
NVL	21.57	21.42	21.71	NO	22.13	22.42	22.98	23.27	21.28	20.72	20.43	19.87
PDR	12.27	12	12.53	NO	13.33	13.87	14.93	15.47	11.73	10.67	10.13	9.07
PLX	29.42	29.33	29.51	NO	30.08	30.57	31.23	31.72	28.93	28.27	27.78	27.12
POW	11.25	11.23	11.27	NO	11.5	11.7	11.95	12.15	11.05	10.8	10.6	10.35
SAB	176.73	177.1	176.37	NO	179.17	182.33	184.77	187.93	173.57	171.13	167.97	165.53
SSI	18.7	18.58	18.83	NO	19.4	19.85	20.55	21	18.25	17.55	17.1	16.4
STB	19.53	19.42	19.64	NO	20.17	20.58	21.22	21.63	19.12	18.48	18.07	17.43
TCB	25.05	24.98	25.13	NO	25.75	26.3	27	27.55	24.5	23.8	23.25	22.55
TPB	21.27	21.15	21.38	NO	21.83	22.17	22.73	23.07	20.93	20.37	20.03	19.47
VCB	78.53	77.9	79.17	NO	81.07	82.33	84.87	86.13	77.27	74.73	73.47	70.93
VHM	52.2	51.75	52.65	NO	54	54.9	56.7	57.6	51.3	49.5	48.6	46.8
VIB	18.95	18.95	18.95	YES	19.3	19.65	20	20.35	18.6	18.25	17.9	17.55
VIC	67.67	66.8	68.53	NO	71.13	72.87	76.33	78.07	65.93	62.47	60.73	57.27
VJC	101.67	101.1	102.23	NO	104.03	105.27	107.63	108.87	100.43	98.07	96.83	94.47
VPB	16.02	15.95	16.08	NO	16.48	16.82	17.28	17.62	15.68	15.22	14.88	14.42
VNM	82.27	81.9	82.63	NO	84.03	85.07	86.83	87.87	81.23	79.47	78.43	76.67
VRE	29.97	29.7	30.23	NO	31.03	31.57	32.63	33.17	29.43	28.37	27.83	26.77

## CÁC CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
PDR	94,097,400	8,315,350	1,132	6.67
VND	47,922,700	23,140,710	207	6.67
DXG	41,835,800	14,843,000	282	6.67
NRC	25,980,200	159,200	16,319	9.76
<b>CEO</b>	<b>22,597,500</b>	<b>8,105,630</b>	<b>278.79</b>	<b>9.93</b>
SCR	11,087,300	5,325,360	208	6.85
LCG	10,860,700	3,151,450	345	6.94
<b>LDG</b>	<b>10,440,900</b>	<b>4,677,690</b>	<b>223.21</b>	<b>6.78</b>
KDH	8,516,200	4,074,070	209	6.87
IDJ	8,267,900	2,459,930	336	8.86
<b>DBC</b>	<b>8,237,000</b>	<b>3,613,320</b>	<b>227.96</b>	<b>6.69</b>
HBC	7,748,700	3,243,610	239	6.62
APG	7,589,600	2,262,910	335	6.78
VHM	7,431,800	3,242,730	229	5.78
IJC	7,259,400	2,451,790	296	6.75
<b>SBS</b>	<b>7,207,900</b>	<b>2,776,550</b>	<b>259.6</b>	<b>14</b>
VPG	6,034,100	1,621,030	372	6.79
VHG	6,029,100	2,708,190	223	14.29
ITA	5,762,000	2,665,570	216	6.82
FCN	5,325,900	1,882,500	283	6.72
<b>APS</b>	<b>4,149,100</b>	<b>1,326,590</b>	<b>312.76</b>	<b>9.88</b>
MBS	4,134,900	1,635,900	253	2.22
BAF	3,977,300	1,492,270	267	4.65
VRE	3,972,000	1,974,760	201	4.1
SAM	3,862,300	1,771,750	218	6.93
<b>ORS</b>	<b>3,756,300</b>	<b>1,403,250</b>	<b>267.69</b>	<b>5.44</b>
KSB	3,296,600	1,256,220	262	6.98
PVC	3,083,900	1,513,180	204	9.65
TDC	2,747,100	855,420	321	6.99
MBG	2,553,400	1,125,260	227	2.22
TAR	2,440,300	805,880	303	9.43
PET	2,410,800	970,100	249	6.73
EVG	2,336,800	979,450	239	2.28
CTS	2,194,200	705,210	311	6.96
FUESSVFL	2,069,800	149,950	1,380	3.4
PVL	1,986,700	849,610	234	8
API	1,589,500	707,360	225	9.52
ITC	1,569,400	679,990	231	1.08
FTM	1,198,600	479,540	250	14.29
BCC	1,166,900	420,580	277	9.86

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

- Lưu ý: PDR, DXG... bùng nổ khối lượng giao dịch;

## DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÁNG QUAN TÂM VÀO NGÀY MAI

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
28-Nov	VRE	Mua	≤ 30	10% -20%	Buy Kumo Break Out
28-Nov	DPG	Mua	≤ 27.5	10% -20%	Buy Kumo Break Out
28-Nov	DXG	Mua	≤ 11.8	10% -20%	Buy Kumo Break Out

### Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **KHÔNG** mở mua cổ phiếu.
- Nhóm ngân hàng đang có dấu hiệu điều chỉnh cho thấy chỉ số có thể chững lại sau 1-2 phiên tới;
- Thị trường có thể phân hóa vào phiên ngày mai khi số mã đỏ sẽ tăng lên.
- Nhà đầu tư hạn chế đưa mua tràn mọi cổ phiếu.

### Các thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị phần lớn đều đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).
- Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:
- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm “Uncle”: Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;



## BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

### Vốn hóa vừa và nhỏ tại TTCK Mỹ tạo đáy như thế nào ?

**Exhibit 1: Russell 2000 typically bottoms the same month as the S&P 500 following S&P bear markets**  
 Russell 2000 vs. S&P 500 market bottom timing during S&P 500 bear markets since 1930

Bear markets	Russell 2000	S&P 500	# mos of R2 bottom after S&P bottom	6m perf after S&P bottom			12m perf after S&P bottom		
				Russell 2000	S&P 500	Relative	Russell 2000	S&P 500	Relative
1930	Dec-30	Dec-30	0	2%	-1%	3%	-50%	-43%	-7%
1932	May-32	May-32	0	76%	42%	35%	286%	111%	175%
1933 Pt.1	Feb-33	Feb-33	0	216%	88%	128%	242%	88%	154%
1933 Pt.2	Oct-33	Oct-33	0	48%	18%	29%	10%	6%	4%
1934/1935	Jul-34	Mar-35	-8	52%	35%	17%	135%	73%	62%
1938	Mar-38	Mar-38	0	57%	42%	14%	43%	35%	8%
1939	Jun-39	May-39	1	18%	9%	9%	-7%	-11%	4%
Early 40s	Jul-40	May-40	2	26%	15%	11%	15%	6%	9%
Mid-Late 40s	May-47	May-47	0	10%	7%	2%	25%	21%	4%
Late 40s	Jun-49	May-49	1	19%	18%	1%	46%	41%	5%
Late 50s	Dec-57	Oct-57	2	12%	8%	5%	44%	29%	15%
Mid 60s	Oct-62	Jun-62	4	10%	18%	-8%	26%	31%	-6%
Late 60s	Oct-66	Sep-66	1	36%	20%	16%	66%	29%	37%
Early 70s	Aug-70	May-70	3	17%	15%	1%	50%	33%	17%
Mid 70s	Dec-74	Sep-74	3	42%	33%	8%	52%	36%	15%
Early 80s	Jul-82	Jul-82	0	50%	39%	11%	89%	59%	30%
1987	Nov-87	Nov-87	0	27%	16%	11%	27%	23%	4%
Early 90s	Oct-90	Oct-90	0	43%	26%	17%	55%	33%	22%
Tech Bubble	Feb-03	Sep-02	5	1%	5%	-4%	36%	24%	12%
GFC	Feb-09	Feb-09	0	48%	41%	8%	64%	54%	10%
COVID	Mar-20	Mar-20	1	32%	31%	0%	95%	56%	38%
<b>Average</b>			<b>0.7</b>	<b>40%</b>	<b>25%</b>	<b>15%</b>	<b>64%</b>	<b>35%</b>	<b>29%</b>
<b>Median</b>			<b>0.0</b>	<b>32%</b>	<b>18%</b>	<b>9%</b>	<b>46%</b>	<b>33%</b>	<b>12%</b>
<b>Hit Rate</b>				<b>100%</b>	<b>95%</b>	<b>90%</b>	<b>90%</b>	<b>90%</b>	<b>90%</b>

Source: Bloomberg, CRSP, BofA US Equity & US Quant Strategy

BofA GLOBAL RESEARCH

### Vốn hóa vừa và nhỏ có hiệu suất sinh lời vượt trội so với vốn hóa lớn trong môi trường lạm phát đình đốn

**Exhibit 46: Small caps aver outperformed large caps, on avg, during stagflationary environments**  
 Avg. annualized total returns of asset classes during periods of below trend growth and rising inflation since 1947

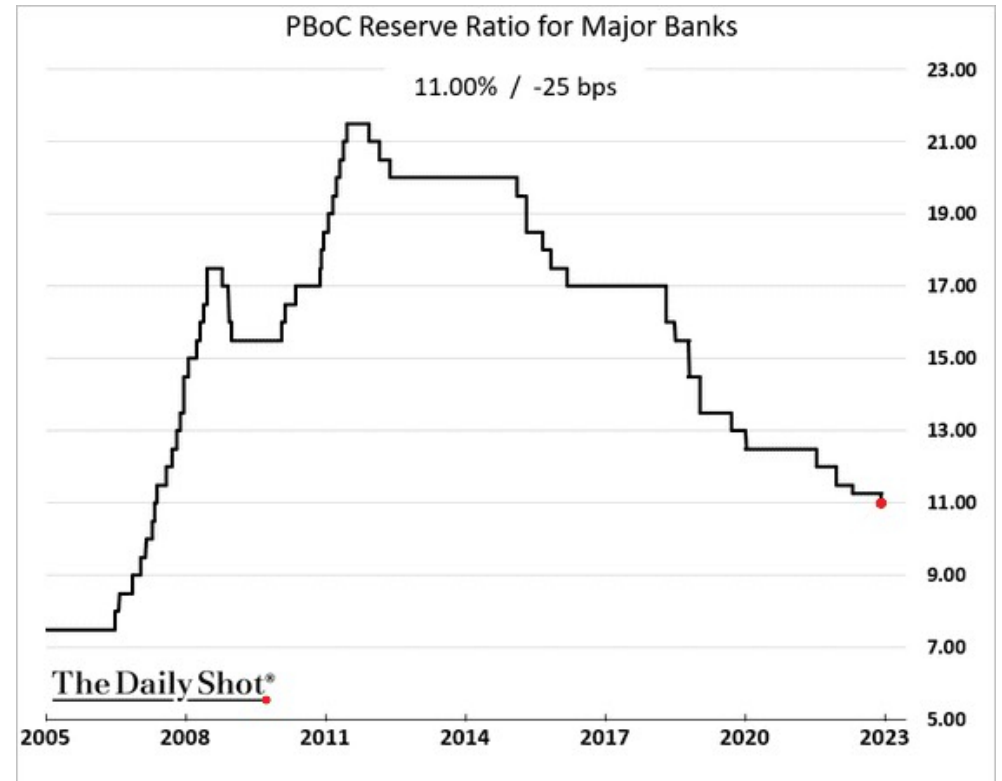
Asset class	Below-trend growth, rising inflation	Below-trend growth, above-trend inflation	Below trend growth, high & rising inflation
WTI	32%	22%	60%
Gold	14%	16%	32%
Small Caps	8%	10%	-5%
L/T (15+) Govt Bonds	7%	9%	8%
S&P 500	7%	3%	-9%
Corp Bonds	5%	7%	2%
Cash (3m T-bill) TR Index	4%	7%	7%
USD	-2%	1%	0%

Note: US dollar since 1967, oil prices since 1974, all other asset classes since 1947. For small caps prior to 1979, source of historical returns: CRSP®, Center for Research in Security Prices, Graduate School of Business, The University of Chicago. Used with permission. All rights reserved. www.crsp.uchicago.edu Performance has been calculated by BofA US Equity & Quant Strategy

Source: Haver Analytics, Bloomberg, Global Financial Data, DOE, CRSP, BofA US Equity & US Quant Strategy

BofA GLOBAL RESEARCH

### Trung Quốc hạ tỷ lệ dự trữ bắt buộc



**TTCK MỸ: Chờ đợi tín hiệu giao dịch rõ ràng hơn để xác nhận xu hướng**

**Nói lời tạm biệt, đỉnh cao tháng 8**

Các lĩnh vực và chỉ số đã thể hiện khả năng dẫn đầu từ mức thấp nhất trong tháng 10 gần đây đã có thể lấy lại mức cao nhất trong tháng 8. Điều này đúng với nguyên liệu vốn hóa lớn (XLB) và công nghiệp (XLI), như thể hiện trong biểu đồ bên dưới. Nhưng đó cũng là trường hợp đối với các lĩnh vực mang tính chu kỳ khác như tài chính và năng lượng, cũng như Chỉ số Trung bình Công nghiệp Dow Jones (DJIA) nói chung. Tuy nhiên, phe gấu đã nắm quyền kiểm soát ngày hôm nay và đẩy giá trở lại dưới mức cao nhất của chúng từ mùa hè.



Mặc dù đó là một sự phát triển tích cực khi các lĩnh vực và chỉ số này, cùng với nhiều cổ phiếu riêng lẻ, có thể đạt mức cao mới trong thời gian gần đây, nhưng đó không phải là một sự phát triển tích cực khi chúng kiến chúng thất bại như ngày hôm nay. Với rất nhiều biểu đồ cho thấy các đợt phá thất bại tiềm năng, chúng tôi sẽ theo dõi chặt chẽ để theo dõi trong những ngày tới. Nếu chúng tôi nhận được nó, chúng tôi có thể cần phải chuẩn bị cho hành động khác phục dưới hình thức chuyển nhanh sang nhược điểm.

**Sức mạnh bên dưới bề mặt**

Mặc dù S&P 500 vẫn giao dịch thấp hơn nhiều so với mức cao nhất trong tháng 8, nhưng 62% cổ phiếu thành phần của nó đã tăng 20% hoặc hơn so với mức thấp của chúng, thiết lập độ rộng thị trường cao hơn so với mức tăng trong mùa hè. Như được hiển thị trong bảng bên dưới, chỉ số này đạt đỉnh và vượt qua ngưỡng 56%. Việc mở rộng tham gia ở cấp độ cổ phiếu riêng lẻ là bằng chứng về sự cải thiện tích cực trong nội bộ thị trường. Mặc dù chúng tôi muốn cảnh giác với các đợt phá thất bại tiềm ẩn xảy ra ngày hôm nay, nhưng việc mở rộng

đợt phục hồi hiện tại cho thấy rằng sự hỗ trợ vẫn còn mạnh mẽ bên dưới bề mặt. Phân thông tin quan trọng tiếp theo là liệu cổ phiếu và chỉ số có điều chỉnh trong những ngày và tuần tới hay không.



**Theo dõi lợi suất ở châu Âu để xác nhận xu hướng**

Sự gia tăng lợi suất của Mỹ đã chậm lại khi các đường xu hướng hàng năm đang được thử nghiệm. Mặc dù bằng chứng gần đây có thể gợi ý tạm dừng, nhưng chúng tôi sẽ tiếp tục theo dõi lợi suất toàn cầu để xác nhận động thái giảm giá. Lợi suất chuẩn quốc tế là một túi hỗn hợp, như được minh họa bởi lợi suất của Đức, Pháp và Tây Ban Nha trong biểu đồ bên dưới:



Một số đã vượt qua mức cao nhất trong mùa hè, trong khi những người khác thì không. Mặc dù chúng tôi có thể dự đoán các điều kiện khó khăn trong những tuần tới, nhưng những lợi suất này khó có thể giải quyết theo các hướng ngược lại. Nếu và khi lợi suất của Mỹ thay đổi, lợi suất chính của châu Âu có thể theo sau.

**Kết luận:** Mẫu hình đồ thị hiện tại không được tích cực. Chúng tôi muốn chờ thêm thời gian để xác nhận xu hướng. Dự báo chỉ số có thể giảm điểm tối nay.



## **KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG**

(\*)Bản quyền: Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.



### **CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SMART INVEST**

Trung tâm nghiên cứu và phân tích

#### **TRỤ SỞ CHÍNH:**

Toà nhà Smart Invest, Số 222 Nguyễn Lương Bằng, P.Quang Trung , Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

**Tel:** 0243 – 5739779

**Fax:** 0243 – 5739769